

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 05/2023/DS-PT

Ngày: 04/01/2023

*V/v tranh chấp: “Liên quan
đến tài sản bị cưỡng chế để
thi hành án theo quy định
của pháp luật về thi hành
án dân sự”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Các Thẩm phán: - Ông **Mai Hoàng Khải**

- Ông **Trương Vĩnh Hữu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Hà Vy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, tham gia phiên tòa: Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: *“Liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 03/08/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2022/QĐXX-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh H: **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số /1 Đoàn Thị Nghiệp, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2021).

* Bị đơn: **Dương Thị Tuyết Th**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Dương Hồ Đ**, sinh năm 1979

2. **Dương Thị Như R**, sinh năm 1979

3. **Dương Minh K**, sinh năm 1983

4. **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1981

5. **Nguyễn Thị Thanh Ph**, sinh năm 1991

6. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

7. **Dương Thị Ch**, (1919-2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Dương Thị Chon: **Dương Thị Tuyết Th**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

8. **Mai Ngọc Khánh T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số /2 Đình Bộ Lĩnh, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số /2 ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

9. **Võ Thị Kim Nh**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 1, Phan Văn Khỏe, ấp , xã Đ Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

10. **Cù Hiếu Ph**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số A Ấp Bắc, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nh và chị Ph: Luật sư Võ Trọng Kỳ – Văn phòng Luật sư Võ Trọng Kỳ, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

11. **Nguyễn Khánh L** – Chức vụ: Chấp hành viên Chi cục thi hành dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp H G, xã M Ph, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

12. **Phạm Thị B**.

Địa chỉ: Số /9 tổ , khu phố 11 Lê Thị Hồng Gấm, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

13. **Dương Thị Tuyết Ng**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ng: Luật sư Trần Thanh Khải – Văn phòng Luật sư Trần Thanh Khải, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

14. **Lê Quang H**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp Th H, xã Th C Ngh, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1989 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Dương Hồ Đ**, sinh năm 1979; **Dương Minh Kh**, sinh năm 1983; **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1981; **Nguyễn Thị Thanh Ph**, sinh năm 1991; **Dương Thị Như R**, sinh năm 1979.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm:*

- Nguyên đơn anh Nguyễn Duy H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Anh Nguyễn Duy H là con ruột bà Dương Thị Tuyết Th, là cháu ngoại bà Dương Thị Ch.

Thành viên hộ gia đình có 09 người gồm: Dương Thị Ch chủ hộ, bà Dương Thị Tuyết Th, ông Nguyễn Văn L, Dương Hồ Đ, Dương Thị R, Dương Minh Kh, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thanh Ph và Nguyễn Duy H.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1544 QSDĐ/LA do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 08/12/1998 là cấp cho hộ bà Dương Thị Tuyết Th, cụ thể các thửa đất sau:

- Thửa 1115, tờ bản đồ 02, diện tích 2.617m², mục đích T + Q, thửa 1115 giảm 233m² do tách thành thửa 2578, diện tích 233m², mục đích đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận ngày 22/11/2007 cho hộ bà Dương Thị Tuyết Th và ông Nguyễn Văn L;

- Thửa 1156, tờ bản đồ 02, diện tích 1.317m², mục đích T + Q;

- Thửa 1310, tờ bản đồ 02, diện tích 1.860m², mục đích T + Q;

Những thửa đất trên trước đây bà ngoại anh là bà Dương Thị Ch đã khởi kiện yêu cầu chia đất cho hộ nhưng khi đang giải quyết bà ngoại mất, vụ án bị đình chỉ.

Ngày 23/02/2021, anh Hải nhận được thông báo số 122/TB/CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, thông báo về việc tiếp tục xử lý 04 thửa đất trên để thi hành án.

Do đó, nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định 04 thửa đất gồm:

- Thửa 1115, tờ bản đồ 02, diện tích 2.617m², mục đích T + Q, thửa 1115 giảm 233m² do tách thành thửa 2578, diện tích 233m², mục đích đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận ngày 22/11/2007;

- Thửa 1156, tờ bản đồ 02, diện tích 1.317m², mục đích T + Q;

- Thửa 1310, tờ bản đồ 02, diện tích 1.860m², mục đích T + Q;

Tổng diện tích 04 thửa đất kể trên là 5794m² là đất cấp cho hộ gia đình, thành viên trong hộ có 09 người gồm: Bà Dương Thị Ch chủ hộ, bà Dương Thị Tuyết Th, ông Nguyễn Văn L, Dương Hồ Đ, Dương Thị R, Dương Minh Kh, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thanh Ph và Nguyễn Duy H.

Yêu cầu phân chia giá trị tài sản là quyền sử dụng đất cho từng thành viên trong hộ đối với các thửa đất sau: Tổng diện tích 04 thửa đất trên là 5.794m², giá tạm tính 70.000 đồng/m², tổng giá trị 405.580.000 đồng, chia làm 09 phần bằng nhau, giá trị mỗi phần là 45.064.000 đồng cho Dương Thị Tuyết Th, Nguyễn Văn L, Dương Hồ Đ, Dương Thị R, Dương Minh Kh, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị

Thanh Ph, Nguyễn Duy H và Dương Thị Ch (phần bà Ch đã chết thì chia theo di chúc).

- *Bị đơn bà Dương Thị Tuyết Th trình bày:* Những thửa đất trên do gia đình bà cùng góp tiền mua, trong đó tiền của bà Dương Thị Ch là mẹ bà bỏ ra nhiều hơn. Sau khi mua đất, bà Ch và thành viên trong hộ quyết định để bà đại diện hộ gia đình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình.

Theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai thì những người cùng huyết thống sống chung một nhà nên không cần phải chứng minh công sức đóng góp. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của anh H bà đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Bà Võ Thị Kim Nh và bà Cù Hiếu Ph trình bày:* Hai bà là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 888/QĐ-THA ngày 05/4/2011 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho và Quyết định thi hành án số 232/QĐ-THA ngày 29/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, người phải thi hành án là bà Dương Thị Tuyết Th

Bà Dương Thị Tuyết Th là người quản lý sử dụng diện tích đất 5.794m², thửa đất số 1115, 1156, 1310, tờ bản đồ số 02, tại ấp Long Mỹ, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Dương Thị Tuyết Th ngày 08/12/1998.

Theo thông báo về việc thi hành án số 167/TB-CCTHA ngày 24/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho thì quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Dương Thị Tuyết Th ngày 08/12/1998, thửa số 1115, tờ bản đồ 02 có diện tích 2.617m²; Thửa số 1310, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.860m² và số 1156, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.317m² là của cá nhân bà Dương Thị Tuyết Th.

Theo công văn trả lời số 95/TL-VPĐK ngày 09/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cũng xác định quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Dương Thị Tuyết Th ngày 08/12/1998, thửa số 1115, tờ bản đồ 02 có diện tích 2.617m²; Thửa số 1310, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.860m² và số 1156, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.317m² là của cá nhân bà Dương Thị Tuyết Th.

Trên thực tế bà Th sử dụng ổn định các thửa đất trên từ khi được cấp giấy cho đến nay không có tranh chấp với ai.

Tuy nhiên, để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, bà Th xúi giục mẹ bà Th là bà Dương Thị Ch khởi kiện chia tài sản trong hộ, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho giải quyết bằng Quyết định đình chỉ số 75/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020 và được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết phúc thẩm bằng quyết định số 450/2020/QĐ-PT ngày 11/12/2020.

Hiện nay, việc anh H tiếp tục khởi kiện chia tài sản chung trong hộ nhằm kéo dài việc thi hành án, né tránh việc thi hành án của bà Th, gây khó khăn ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến quyền lợi của hai bà. Do đó, hai bà đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ *Dương Hồ Đ, Dương Thị Như R, Dương Minh Kh, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thanh Ph thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

+ Ông Nguyễn Văn L đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Ông Mai Ngọc Khánh T trình bày: Ông là người nay đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Dương Thị Tuyết Th ngày 08/12/1998, thửa số 1115, tờ bản đồ 02 có diện tích 2.617m²; Thửa số 1310, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.860m² và số 1156, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.317m². Lý do, năm 2010 bà Th thiếu tiền đáo hạn ngân hàng, mới thỏa thuận bán cho ông 2.000m² trong tổng 5.794m² đất kể trên với giá 500.000.000 đồng. Ông đã chùng tiền đủ cho Th và rút sổ đỏ từ ngân hàng về. Tuy nhiên, hai bên chưa kịp làm hợp đồng chuyển nhượng thì bị bà Cù Hiếu Ph và bà Võ Thị Kim Nh ngăn chặn. Sau đó ông có khởi kiện bà Th và ông L đòi lại tiền chuyển nhượng. Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho giải quyết bằng Bản án số: 79/2013/DSST ngày 20/8/2013, nội dung bản án, Tòa án buộc bà Th và ông L trả cho ông số tiền vốn 420.000.000 đồng, tiền lãi 113.550.000 đồng, tổng cộng 533.550.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà Th, ông L vẫn chưa thi hành án. Nay với yêu cầu khởi kiện của anh H, ông không đồng ý.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 03/08/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 106, 108 Bộ luật Dân sự 2005; Căn cứ Điều 75 Luật thi hành án dân sự; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy H.

2. Về chi phí tố tụng là 35.600.000 (*ba mươi lăm triệu sáu trăm ngàn*) đồng anh Nguyễn Duy H đã nộp, xem như đã thực hiện xong.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 17/8/2022, nguyên đơn Nguyễn Duy H, sinh năm 1989; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hồ Đ, sinh năm 1979; Dương Thị Như R, sinh năm 1979; Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1981; Dương Minh Kh, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Thanh Ph, sinh năm 1991 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang do bản án sơ thẩm chưa khách quan,

không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nh và chị Ph có nhiều lập luận, trình bày: Căn cứ vào hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho bà Th, cùng tài liệu, chứng cứ khác cho thấy bà Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng là cho cá nhân bà Th, anh H và những người liên quan khởi kiện, yêu cầu là nhằm kéo dài thời gian thi hành án, gây ảnh hưởng quyền lợi của những người được thi hành án. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Ng trình bày: Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại cấp sơ thẩm là có cơ sở, giai đoạn phúc thẩm đương sự không cung cấp chứng cứ nào mới. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Hồ sơ cấp quyền sử dụng là cho cá nhân bà Th, cần xem xét mối quan hệ vợ chồng giữa bà Th với ông L về tài sản trong thời kỳ hôn nhân, do bà Th với ông L kết hôn từ năm 1973, là trong thời gian sử dụng đất; yêu cầu kháng cáo là không có cơ sở, không có tài liệu chứng minh. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đương sự thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo theo qui định Tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo có đơn xin vắng mặt, xem xét những người này có cùng yêu cầu kháng cáo với nguyên đơn, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II]- Về nội dung vụ án: Vào các năm 2011 đến năm 2016 bà Dương Thị Tuyết Th phải có nghĩa vụ thi hành, trả các khoản tiền theo nhiều bản án của Tòa án cho nhiều người được thi hành án. Trên cơ sở đó, cơ quan Thi hành án thành phố Mỹ Tho thực hiện xử lý, kê biên tài sản là nhiều thửa đất khác nhau theo thủ tục quy định về thi hành án. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quyền sử dụng đất bị kê biên tranh chấp trong vụ án là các thửa 1115 diện tích 2.617m², thửa

1156 diện tích 1.317m², thửa 1310 diện tích 1.860m² cấp cho Dương Thị Tuyết Th đứng tên cùng ngày 08/12/1998, trong đó thửa 1115 được tách một phần diện tích thành thửa 2578 diện tích 233m² vào ngày 22/11/2007 cho hộ bà Dương Thị Tuyết Th, ông Nguyễn Văn L, các thửa đất cùng tại địa chỉ ấp L M, xã L A, huyện Châu Thành, tỉnh tiền Giang (nay là ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh tiền Giang).

[II.1]- Xem xét, nguyên đơn Nguyễn Duy H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hồ Đ, Dương Thị Như R, Nguyễn Văn Ph, Dương Minh Kh, Nguyễn Thị Thanh Ph kháng cáo cho rằng các thửa đất này là cấp cho hộ gia đình nên yêu cầu phân chia theo kỹ phần cho các thành viên trong hộ. Theo tài liệu, chứng cứ cho thấy: Thửa đất 1115, 1156, 1310 được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là Dương Thị Tuyết Th, không thể hiện là bà Dương Thị Tuyết Th hay hộ Dương Thị Tuyết Th (tức là cấp cho cá nhân hay cấp cho hộ). Khi thụ lý giải quyết vụ án, được các cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai, xác nhận bằng nhiều văn bản khác nhau, cụ thể là: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Mỹ Tho có Công văn số 112/VPĐKQSDĐ ngày 11/02/2011, công văn số 1763/CNVPĐK-TTLT ngày 16/6/2021 xác nhận là cấp cho hộ; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang có Công văn số 558/VPĐKĐĐ ngày 27/6/2016, công văn số 95/TL-VPĐK ngày 09/02/2017 xác nhận là cấp cho cá nhân.

[II.2]- Căn cứ về nguồn gốc các thửa đất, trên cơ sở hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện thửa 1310 của bà Trần Thị Ph sử dụng trước năm 1975 đến năm 1989 để lại cho bà Th sử dụng, các thửa đất còn lại là chuyển đổi của bà Nguyễn Thị H và của bà Dương Thị Ch (là mẹ của bà Th) sử dụng trước năm 1975 đến năm 1994 để lại cho bà Th sử dụng, bà Th được cấp giấy chứng nhận vào năm 1998. Riêng thửa 2578, diện tích 233m² mặc dù cấp cho hộ bà Dương Thị Tuyết Th, ông Nguyễn Văn L vào ngày 22/11/2007, nhưng là do được tách ra từ thửa 1115, trong hồ sơ tách thửa cũng có xác nhận nguồn gốc là do bà Th sử dụng trước năm 1975; đồng thời tại bản án số 79/2013/DSST ngày 20/8/2013 có hiệu lực pháp luật thì ông Nguyễn Văn L cùng với bà Th trả cho ông Mai Ngọc Khánh T số tiền 533.550.000 đồng, do đó ông L cùng có nghĩa vụ phải thi hành án.

Theo quy định vào thời điểm pháp luật có điều chỉnh về tài sản chung của hộ gia đình, tại Điều 118 Bộ luật dân sự 1995, Điều 108 Bộ luật dân sự 2005 và hiện nay tại Điều 212 Bộ luật dân sự 2015: *“Tài sản chung của hộ gia đình do các thành viên cùng tạo lập, ... là quyền sử dụng đất... do cùng đóng góp, cùng tạo lập và các tài sản khác...”*. Như vậy, nguồn gốc các thửa đất là do bà Th cùng canh tác và được tặng cho, chuyển đổi đến khi được cấp quyền sử dụng vào năm 1998, không có căn cứ do hộ gia đình bà Th cùng đóng góp công sức tạo lập, không có cơ sở để xác nhận là cấp quyền sử dụng cho hộ gia đình bà Th; thành viên trong hộ xét về công sức tạo lập chỉ có bà Ch nhưng đã chết, hàng thừa kế của bà Ch còn lại chỉ có bà Th. Từ đó, yêu cầu khởi kiện chia cho các thành viên trong hộ của anh H, và yêu cầu kháng cáo của anh H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để xem xét.

[III]. Từ những phân tích đã nêu, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các anh chị Nguyễn Duy H, Dương Hồ Đ, Dương Minh Kh, Nguyễn

Văn Ph, Nguyễn Thị Thanh Ph, Dương Thị Như R về việc yêu cầu chia quyền sử dụng đất bị kê biên để đảm bảo việc thi hành án cho các thành viên trong hộ gia đình. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

Anh H là người khởi kiện, yêu cầu chia quyền sử dụng đất cho các thành viên trong hộ, ông Nguyễn Văn L là chồng bà Th thì không có ý kiến và yêu cầu gì; do vụ án tranh chấp là: *Liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*, nên khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, thì Cơ quan thi hành án nên cần xem xét đến tài sản chung của vợ chồng có và còn trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị Tuyết Th.

[IV]. Chấp nhận đề nghị của Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho chị Nh, chị Ph và chị Ng.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[V]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh H, Đ, Kh, Ph, Thanh Ph, Như R không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[VI]. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 118 Bộ luật dân sự 1995; Điều 106, 108 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 102, 212 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 75 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hồ Đ, Dương Minh Kh, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thanh Ph, Dương Thị Như R.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy H.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các anh chị Nguyễn Duy H, Dương Hồ Đ, Dương Minh Kh, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thanh Ph, Dương Thị Như R mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí

dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 1.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0022556, 0022557, 0022558, 0022559, 0022560, 0022561 cùng ngày 19/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên xem như thi hành xong về án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Giàu